

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MH
TỈNH QB**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2024/HNGĐ- ST

Ngày: 18/6/2024

“V/v ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông NMT

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: CLB

Bà: CTTN

- Thư ký phiên toà: ông CLB – Thư ký Toà án nhân dân huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024 tại Toà án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2024/TLST - HNGĐ ngày 21/02/2024 về việc “ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/4/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị HTC – sinh năm 1981

Địa chỉ: bản Y Leng, xã Dân Hoá, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình; có mặt;

Bị đơn: anh LND – sinh năm 1979

Địa chỉ: bản Y Leng, xã Dân Hoá, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/01/2024 và bản tự khai ngày 10/4/2024 nguyên đơn chị HTC trình bày: chị kết hôn với anh LND ngày 13/9/2009 tại ủy ban nhân dân xã Dân Hoá, huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, bước đầu cuộc sống hạnh phúc. Tuy nhiên đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc và đã sống ly thân từ tháng 11/2023 nên chị yêu cầu được ly hôn. Về con

chung: vợ chồng có 02 con chung là cháu LHHT sinh ngày 09/10/2009 và cháu LHHN sinh ngày 28/01/2014, nếu ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu và yêu cầu anh LND cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về vay nợ chung: không có.

Tại bản tự khai ngày 25/3/2024 bị đơn anh LND trình bày: anh kết hôn với anh chị HTC là tự nguyện và đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Dân Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình. Bước đầu chung sống hạnh phúc, năm 2019 có xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng nên anh mong muốn vợ chồng khắc phục cùng nhau nuôi dạy con cái. Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là cháu LHHT sinh ngày 09/10/2009 và cháu LHHN sinh ngày 28/01/2014, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu và yêu cầu chị HTC cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về vay nợ chung: không có

Tòa án đã thụ lý vụ kiện và tiến hành hòa giải nhưng không đạt kết quả. Chị C đề nghị ly hôn, anh Đ không nhất trí ly hôn; chị C và anh Đ đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con.

Ngày 23/5/2024 Tòa án đã hoãn phiên tòa do bị đơn anh LND vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị HTC và anh LND đã đăng ký kết hôn ngày 13/5/2009 tại UBND xã Dân Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình hoàn toàn tự nguyện. Bước đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hai bên không dàn xếp được và sống ly thân từ tháng 11/2023 cho đến nay; Tòa án đã tạo điều kiện và hòa giải nhưng không đạt kết quả. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét nguyện vọng ly hôn của chị HTC là có cơ sở cần chấp nhận vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử chị HTC ly hôn anh LND.

[2] Về con chung: vợ chồng 02 con chung là cháu LHHT sinh ngày 09/10/2009 và cháu LHHN sinh ngày 28/01/2014. Chị Cam và anh Đa đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 02 con. Yêu cầu của chị HTC và anh LND đều chính đáng nhưng các cháu LHHT và LHHN đều có nguyện vọng được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Xét điều kiện của chị HTC cũng đảm bảo quyền lợi cho con, vì vậy cần áp dụng khoản 2 Điều 81, các Điều 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cháu LHHT sinh ngày 09/10/2009 và cháu LHHN sinh ngày 28/01/2014 cho HTC trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh LND có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ tháng 6/2024 đến khi các con tròn 18 tuổi;

[3] . Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết; về vay nợ chung: không có;

[4] Về án phí: chị HTC phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; anh LND phải chịu án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự

1. Về quan hệ hôn nhân: áp dụng khoản 1 Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử chị HTC ly hôn anh LND;

2. Về con chung: áp dụng khoản 2 Điều 81, các Điều 82, 83, 84 xử giao cháu LHHT sinh ngày 09/10/2009 và cháu LHHN sinh ngày 28/01/2014 cho chị HTC trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh LND có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng 1.500.000 đồng, tổng cộng 02 cháu là 3.000.000 đồng mỗi tháng kể từ tháng 6/2024 đến khi các con tròn 18 tuổi;

Không ai được ngăn cản việc đi lại chăm sóc con chung, khi cần thiết vì lợi ích của con thì một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con;

3. Về án phí: áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 chị HTC phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; chị HTC đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0000533 ngày 21/02/2024 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa nay được khấu trừ

Án phí cấp dưỡng: anh LND phải chịu 300.000 đồng.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Tuyên bố nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/6/2024), bị đơn thời hạn trên kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QB;
- VKSND huyện MH;
- VKSND tỉnh QB;
- Chi cục THADS huyện MH;
- Nguyên đơn; bị đơn;
- UBND xã DH;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA:**

N.M.T